

BẢNG BÁO GIÁ ỐNG VÀ PHỤ KIỆN PPR







Áp dụng từ 01/07/2023

BẢNG GIÁ ỐNG VÀ PHỤ KIỆN NHỰA PPR THUẬN PHÁT








Theo tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu DIN 8077 - 8078







(Áp dụng từ ngày 01/07/2023)







Đơn vị tính: VNĐ/m (Unit: VNĐ/m)

TÊN SẢN PHẨM ITEM	KÍCH CỠ (mm) SIZE	ĐƠN GIÁ - PRICE	
		TRƯỚC VAT BEFORE VAT	THANH TOÁN (Bao gồm VAT 8%) PAY
ỐNG PN10 - PN10 PIPE			
	D20mm x 2.3mm	22,182	23,956
	D25mm x 2.8mm	39,636	42,807
	D32mm x 2.9mm	51,364	55,473
	D40mm x 3.7mm	68,909	74,422
	D50mm x 4.6mm	101,000	109,080
	D63mm x 5.8mm	160,545	173,389
	D75mm x 6.8mm	223,273	241,135
	D90mm x 8.2mm	325,818	351,884
	D110mm x 10mm	521,545	563,269
	D125mm x 11.4mm	646,000	697,680
	D140mm x 12.7mm	797,091	860,858
	D160mm x 14.6mm	1,087,727	1,174,745
	D180mm x 16.4mm	1,713,818	1,850,924
D200mm x 18.2mm	2,079,545	2,245,909	
ỐNG PN16 - 16 PIPE			
	D20mm x 2.8mm	24,727	26,705
	D25mm x 3.5mm	45,636	49,287
	D32mm x 4.4mm	61,727	66,665
	D40mm x 5.5mm	83,636	90,327
	D50mm x 6.9mm	133,000	143,640
	D63mm x 8.6mm	209,000	225,720
	D75mm x 10.3mm	285,000	307,800
	D90mm x 12.3mm	399,000	430,920
	D110mm x 15.1mm	608,000	656,640
	D125mm x 17.1mm	788,545	851,629
	D140mm x 19.2mm	959,545	1,036,309
	D160mm x 21.9mm	1,330,000	1,436,400
	D180mm x 20.6mm	2,382,636	2,573,247
D200mm x 27.4mm	2,946,909	3,182,662	
ỐNG PN20 - 20 PIPE			
	D20mm x 3.4mm	27,455	29,651
	D25mm x 4.2mm	48,182	52,036
	D32mm x 5.4mm	70,909	76,582
	D40mm x 6.7mm	109,727	118,505
	D50mm x 8.3mm	170,545	184,189
	D63mm x 10.5mm	268,818	290,324
	D75mm x 12.5mm	372,364	402,153
	D90mm x 15.0mm	556,727	601,265
	D110mm x 18.3mm	783,727	846,425
	D125mm x 20.8mm	1,054,545	1,138,909
	D140mm x 23.3mm	1,339,545	1,446,709
	D160mm x 26.6mm	1,781,273	1,923,775
	D180mm x 29.0mm	2,800,636	3,024,687
D200mm x 33.2mm	3,448,545	3,724,429	
ỐNG PN25 - 25 PIPE			
	D20mm x 4.1mm	30,364	32,793
	D25mm x 5.1mm	50,364	54,393
	D32mm x 6.5mm	77,909	84,142
	D40mm x 8.1mm	119,091	128,618
	D50mm x 10.1mm	190,000	205,200
	D63mm x 12.7mm	299,273	323,215
	D75mm x 15.1mm	422,727	456,545
	D90mm x 18.1mm	608,000	656,640
	D110mm x 22.1mm	902,545	974,749
	D125mm x 25.1mm	1,211,273	1,308,175
	D140mm x 28.1mm	1,596,000	1,723,680
	D160mm x 32.1mm	2,067,182	2,232,556

Đơn vị tính: VNĐ/cái (Unit: VNĐ/pc)

TÊN SẢN PHẨM ITEM	KÍCH CỠ (mm) SIZE	ĐƠN GIÁ - PRICE	
		TRƯỚC VAT BEFORE VAT	THANH TOÁN (Bao gồm VAT 8%) PAY
CÚT 90° - 90° ELBOW			
	20	5,545	5,989
	25	7,364	7,953
	32	12,909	13,942
	40	20,909	22,582
	50	36,727	39,665
	63	112,273	121,255
	75	146,545	158,269
	90	226,091	244,178
	110	460,727	497,585
TÊ 90° - 90° TEE			
	20	6,455	6,971
	25	10,000	10,800
	32	16,455	17,771
	40	25,636	27,687
	50	50,364	54,393
	63	126,364	136,473
	75	189,727	204,905
	90	294,545	318,109
110	456,000	492,480	
CHÉCH 45° - 45° ELBOW			
	20	4,545	4,909
	25	7,364	7,953
	32	11,091	11,978
	40	21,909	23,662
	50	41,909	45,262
	63	95,909	103,582
	75	147,545	159,349
	90	175,727	189,785
	110	306,000	330,480
MĂNG SÔNG - COUPLING			
	20	2,909	3,142
	25	4,909	5,302
	32	7,636	8,247
	40	12,182	13,156
	50	21,818	23,564
	63	43,727	47,225
	75	73,273	79,135
	90	124,000	133,920
	110	201,091	217,178
ỐNG TRÁNH - SWAN NECK			
	20	14,273	15,415
	25	26,636	28,767
	32	30,091	32,498
RẮC CƠ NHỰA - UNION			
	20	36,091	38,978
	25	53,182	57,436
	32	76,545	82,669
	40	87,909	94,942
	50	132,091	142,658
VẠN CHẶN HẠM ÉCH TAY QUAY - VALVE - PLASTIC HANDLE			
	20	141,545	152,869
	25	191,909	207,262
	32	221,364	239,073
	40	342,909	370,342
	50	584,273	631,015
	D63	-	-

TÊN SẢN PHẨM ITEM	KÍCH CỠ (mm) SIZE	ĐƠN GIÁ - PRICE	
		TRƯỚC VAT BEFORE VAT	THANH TOÁN (Bao gồm VAT 8%) PAY
TÊ THU - REDUCING TEE			
	25/20	10,000	10,800
	32/20	17,636	19,047
	32/25	17,636	19,047
	40/20	38,727	41,825
	40/25	38,727	41,825
	40/32	38,727	41,825
	50/20	68,000	73,440
	50/25	68,000	73,440
	50/32	68,000	73,440
	50/40	68,000	73,440
	63/20	119,455	129,011
	63/25	119,455	129,011
	63/32	119,455	129,011
	63/40	119,455	129,011
	63/50	119,455	129,011
	75/50	175,727	189,785
	75/63	163,455	176,531
	90/50	256,545	277,069
	90/63	275,545	297,589
	90/75	303,091	327,338
110/90	437,000	471,960	
CÚT REN TRONG 90° - FEMALE THREADED 90° ELBOW			
	20x1/2"	40,182	43,396
	25x1/2"	45,636	49,287
	25x3/4"	61,455	66,371
	32x1"	113,545	122,629
	40x1.1/4"	-	-
	50x1.1/2"	-	-
NỐI THẲNG REN TRONG - FEMALE THREADED COUPLINH			
	20x1/2"	36,091	38,978
	25x1/2"	44,182	47,716
	25x3/4"	49,273	53,215
	32x1"	80,364	86,793
	40x1.1/4"	199,091	215,018
	50x1.1/2"	264,091	285,218
TÊ REN TRONG - FEMALE THREADED TEE			
	20x1/2"	40,545	43,789
	25x1/2"	43,364	46,833
	25x3/4"	63,182	68,236
	32x1"	137,909	148,942
	40x1.1/4"	-	-
	50x1.1/2"	-	-
RÁC CỎ REN TRONG - FEMALE THREADED UNION			
	20x1/2"	86,000	92,880
	25x1/2"	-	-
	25x3/4"	137,727	148,745
	32x1"	-	-
	40x1.1/4"	316,364	341,673
	50x1.1/2"	551,000	595,080

TÊN SẢN PHẨM ITEM	KÍCH CỠ (mm) SIZE	ĐƠN GIÁ - PRICE	
		TRƯỚC VAT BEFORE VAT	THANH TOÁN (Bao gồm VAT 8%) PAY
CON THU - REDUCER			
	25/20	4,545	4,909
	32/20	6,455	6,971
	32/25	6,455	6,971
	40/20	10,000	10,800
	40/25	10,000	10,800
	40/32	10,000	10,800
	50/20	18,000	19,440
	50/25	18,000	19,440
	50/32	18,000	19,440
	50/40	18,000	19,440
	63/20	34,818	37,604
	63/25	34,818	37,604
	63/32	34,818	37,604
	63/40	34,818	37,604
	63/50	34,818	37,604
	75/50	64,818	70,004
	75/63	64,818	70,004
	90/50	89,818	97,004
	90/63	89,818	97,004
	90/75	89,818	97,004
110/90	234,818	253,604	
CÚT REN NGOÀI 90° - MALE THREADED 90° ELBOW			
	20x1/2"	56,545	61,069
	25x1/2"	63,909	69,022
	25x3/4"	75,545	81,589
	32x1"	120,273	129,895
	40x1.1/4"	-	-
	50x1.1/2"	-	-
NỐI THẲNG REN NGOÀI - MALE THREADED COUPLINH			
	20x1/2"	45,636	49,287
	25x1/2"	52,727	56,945
	25x3/4"	63,636	68,727
	32x1"	94,091	101,618
	40x1.1/4"	273,636	295,527
	50x1.1/2"	342,000	369,360
TÊ REN NGOÀI - MALE THREADED TEE			
	20x1/2"	49,909	53,902
	25x1/2"	54,182	58,516
	25x3/4"	65,545	70,789
	32x1"	137,727	148,745
	40x1.1/4"	-	-
	50x1.1/2"	-	-
RÁC CỎ REN NGOÀI - MALE THREADED UNION			
	20x1/2"	91,727	99,065
	25x1/2"	-	-
	25x3/4"	143,000	154,440
	32x1"	224,727	242,705
	40x1.1/4"	333,455	360,131
	50x1.1/2"	588,545	635,629

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐT-CN THUẬN PHÁT



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Thanh Huyền



 **THUAN PHAT INC**
Bảo vệ nguồn sống

 Tòa nhà Thuận Phát - Số 8, ngõ 538 đường Láng, Đống Đa, Hà Nội

 024.35377.450 - 0962 655 955

 info@thuanphatgroup.com.vn

 www.thuanphatgroup.com.vn

 facebook.com/ongnhua.thuanphat538